

Số: /BKHCN-CBĐTƯ
V/v đăng ký kết nối Mạng TSLCD
năm 2026, 2027 và giai đoạn 2028-2030

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Ban, bộ, ngành, địa phương

Triển khai Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước (Mạng TSLCD), Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ký ban hành Thông tư số 06/2026/TT-BKHCN ngày 30/3/2026 hiệu lực từ ngày 30/3/2026 về việc “*Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg*”.

Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN) kính đề nghị các ban, bộ, ngành, địa phương đăng ký kết nối Mạng TSLCD như sau:

I. ĐĂNG KÝ KẾT NỐI THEO HƯỚNG DẪN TẠI THÔNG TƯ SỐ 06/2026/TT-BKHCN

1. Năm 2026

- Đối với địa phương: duy trì mạng truy nhập cấp II đến hết 31/12/2026 (theo điều khoản chuyển tiếp tại Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg).

- Đối với các bộ, ngành có mạng dùng riêng, duy trì mạng truy nhập cấp II theo kế hoạch đã đăng ký với Bộ KH&CN (theo điều khoản chuyển tiếp tại Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg). Các bộ, ngành không có mạng dùng riêng đăng ký kết nối theo Mẫu số 01 tại Phụ lục gửi kèm.

2. Năm 2027

Các ban, bộ, ngành, địa phương căn cứ đối tượng, phạm vi, nhu cầu (số lượng, băng thông kênh truyền), ứng dụng, nền tảng sử dụng (bao gồm cả gửi, nhận văn bản và xử lý hồ sơ cấp độ Mật, Tối mật) đăng ký theo Mẫu số 02 tại Phụ lục gửi kèm.

3. Giai đoạn 2028-2030

Với giai đoạn 2028-2030, Bộ KH&CN đề nghị các ban, bộ, ngành, địa phương đăng ký theo Mẫu số 03 tại Phụ lục gửi kèm.

4. Một số nội dung cần lưu ý khi đăng ký

a) Về trách nhiệm đăng ký:

- Cơ quan, tổ chức đề xuất nhu cầu chịu trách nhiệm toàn diện với số liệu đăng ký, bảo đảm phù hợp với nhu cầu thực tế, tiết kiệm, hiệu quả, không đăng ký vượt quá nhu cầu gây lãng phí; chủ động rà soát nhu cầu sử dụng và thực hiện đăng ký điều chỉnh (nếu có).

- Ban, bộ, ngành, địa phương xác định, chỉ đạo các đơn vị chuyên trách¹ tổ chức rà soát, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi đăng ký kết nối theo quy định và gửi về Cục Bưu điện Trung ương (Bộ KH&CN) **trước ngày 30/4/2026**.

¹ Cơ quan chuyên trách của ban, bộ, ngành, địa phương là đơn vị được cơ quan, tổ chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg giao làm đầu mối đăng ký kết nối, phối hợp quản lý và triển khai Mạng TSLCD.

b) Về xác định băng thông:

Việc xác định băng thông phải thuyết minh cơ sở tính toán cụ thể hoặc số liệu quan trắc thực tế, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí; đồng thời dự kiến lộ trình phát triển phù hợp với nhu cầu gia tăng ứng dụng, nền tảng và số lượng người, mức độ sử dụng trong tương lai.

c) Đối với cơ quan có nhiều trụ sở làm việc:

- Đối với cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ có nhiều trụ sở làm việc thì cơ quan, tổ chức tự triển khai mạng nội bộ kết nối các trụ sở làm việc với nhau và sử dụng dịch vụ Mạng TSLCD thông qua điểm kết nối tập trung tại trụ sở làm việc chính để bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí.

- Trường hợp không triển khai được mạng nội bộ thì phải thuyết minh và đăng ký nhu cầu để kết nối trực tiếp Mạng TSLCD. Thuyết minh phải nêu các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tự triển khai mạng nội bộ, đồng thời làm rõ sự cần thiết và yêu cầu nghiệp vụ cần kết nối trực tiếp Mạng TSLCD.

d) Đối với nhiều cơ quan sử dụng chung trụ sở:

Để bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, khuyến nghị các cơ quan, tổ chức xem xét, cân nhắc việc đề xuất kết nối với Mạng TSLCD tại một điểm kết nối tập trung; thống nhất giao một đơn vị chủ trì đầu mối phụ trách điểm kết nối tập trung đó, bảo đảm hiệu quả, tránh trùng lặp gây lãng phí.

đ) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị không sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại khoản 2, Điều 10 Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg:

- Đề nghị ghi chú rõ loại hình đơn vị trong văn bản đăng ký.

- Các đơn vị trên lựa chọn doanh nghiệp trên cơ sở: (i) *đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (chất lượng kênh truyền, thiết bị đầu cuối quy định tại Thông tư số 06/2026/TT-BKHCN, Quyết định số 147/QĐ-CBĐTW ngày 28/3/2025 của Cục Bưu điện Trung ương về Ban hành Bộ chỉ tiêu chất lượng dịch vụ Mạng TSLCD do Cục Bưu điện Trung ương quản lý)* và (ii) *tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.*

II. ĐỐI VỚI KÊNH TRUYỀN NĂM 2026 PHỤC VỤ GỬI, NHẬN VĂN BẢN VÀ XỬ LÝ HỒ SƠ CẤP ĐỘ MẬT, TỐI MẬT

Triển khai công văn số 07-CV/CQTTBCĐ² ngày 27/9/2025 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi là Ban Chỉ đạo), Bộ KH&CN đã phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ hoàn thành triển khai kết nối Mạng TSLCD phục vụ gửi, nhận văn bản và xử lý hồ sơ cấp độ Mật, Tối mật từ trung ương đến cấp xã với sự hỗ trợ của các doanh nghiệp viễn thông.

Tại Báo cáo số 19-BC/CQTTBCĐ ngày 14/3/2026 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị (giai đoạn từ sau Phiên họp tổng kết năm 2025 của Ban Chỉ đạo đến ngày 12/3/2026), Ban Chỉ đạo đánh giá và yêu cầu “*Cơ bản đã hoàn thành triển khai Mạng bảo mật liên thông các cơ quan trong hệ thống chính trị kết nối tới các tổ chức cấp xã tại 04 khối cơ quan, sẵn sàng triển khai các dịch vụ xử lý thông tin có chứa nội*

² Công văn số 07-CV/CQTTBCĐ ngày 27/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số Quốc gia về việc triển khai mạng TSLCD của Đảng và Nhà nước theo hướng thống nhất, dùng chung cho các cơ quan trong hệ thống chính trị để phục vụ việc trao đổi, xử lý văn bản mật.

*dung bí mật nhà nước cấp độ Mật, Tối Mật trong toàn hệ thống chính trị. Tuy nhiên, do địa hình, trụ sở cấp xã phân tán và nhu cầu về tiếp nhận, xử lý văn bản mật khác nhau, nên các khối cơ quan trong hệ thống chính trị (Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc) **cần đánh giá kỹ về nhu cầu sử dụng và lộ trình triển khai bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí**”.*

Bộ KH&CN đã có văn bản gửi Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Ban Thường trực Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề nghị rà soát, đánh giá và gửi Bộ KH&CN nhu cầu tổng thể về sử dụng Mạng TSLCD phục vụ gửi, nhận văn bản và xử lý hồ sơ cấp độ Mật, Tối mật theo chỉ đạo trên, tạo khung tổng thể để hướng dẫn các đơn vị thuộc khối triển khai chi tiết; đồng thời gửi Bộ KH&CN để phối hợp tổ chức triển khai. Các đơn vị thuộc khối sẽ đăng ký nhu cầu trên cơ sở khung tổng thể của khối đã xác định.

Căn cứ các quy định tại Thông tư số 06/2026/TT-BKH&CN³, Bộ KH&CN đề nghị các ban, bộ, ngành, địa phương rà soát đối tượng, phạm vi, nhu cầu (số lượng, băng thông kênh truyền), đăng ký lại toàn bộ kênh truyền đang sử dụng và dự kiến triển khai theo Mẫu số 01 tại Phụ lục gửi kèm để làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước và triển khai kết nối.

Trong quá trình triển khai, mọi vướng mắc vui lòng liên hệ với đầu mối của Cục Bưu điện Trung ương⁴ để được hướng dẫn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Đức Long;
- Lưu: VT, CBĐTƯ.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Đức Long

³ Thông tư số 06/2026/TT-BKH&CN ngày 30/3/2026 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng TSLCD phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.

⁴ Bà Cù Hải An, Phòng Chính sách, Cục Bưu điện Trung ương, điện thoại 080.41280/ 0904.012.315, email: haian@cpt.gov.vn.

DANH SÁCH ĐƠN VỊ NHẬN VĂN BẢN

STT	CƠ QUAN, TỔ CHỨC
I	CÁC CƠ QUAN ĐẢNG
1	Văn phòng Trung ương và các Ban Đảng ở Trung ương
2	Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương và các Đảng ủy trực thuộc
3	Đảng ủy Quốc hội và các Đảng ủy trực thuộc
4	Đảng ủy Chính phủ và các Đảng ủy trực thuộc
5	Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương và các Đảng ủy của các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc
6	Quân ủy Trung ương
7	Đảng ủy Công an Trung ương
8	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Báo Nhân dân, Tạp chí Cộng sản, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật
9	Tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương
II	CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
1	Văn phòng Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội
2	Văn phòng Chủ tịch nước
3	Các bộ, cơ quan ngang bộ
4	Kiểm toán nhà nước
5	Ban Cơ yếu Chính phủ
6	Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
7	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
III	ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRỰC THUỘC

Phụ lục
MẪU BIỂU ĐĂNG KÝ
(kèm theo công văn số /BKHCN-CBĐTW ngày /4/2026
của Bộ Khoa học và Công nghệ)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày tháng.... năm.....

ĐĂNG KÝ KẾT NỐI MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG
Năm 2026, 2027 và giai đoạn 2028-2030

Kính gửi: Cục Bưu điện Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Thông tin về cơ quan, tổ chức:

- Tên cơ quan, tổ chức
- Địa chỉ trụ sở làm việc:.....
- Điện thoại:.....
- Mã định danh điện tử:.....

2. Đầu mối liên hệ:

- Họ và tên:.....
- Chức vụ/phòng/ban:.....
- Điện thoại:.....
- Hộp thư điện tử công vụ:.....

3. Nội dung đề nghị:

Chi tiết như Bảng thông tin đăng ký kết nối gửi kèm.

4. Cam kết

[tên cơ quan, tổ chức] cam kết cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và bảo đảm sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng đúng mục đích, an toàn, hiệu quả và tiết kiệm theo quy định của pháp luật.

Xác nhận của cơ quan, tổ chức
(Ký, họ tên, chức danh và dấu)

BẢNG THÔNG TIN ĐĂNG KÝ KẾT NỐI NĂM 2026

(Kèm theo văn bản số ngày .../.../..... của.....)

1. Thông tin đăng ký kết nối mới

ST T	Tên cơ quan, tổ chức sử dụng	Địa điểm kết nối	Hệ thống kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng	Cấp độ an ninh mạng của hệ thống kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng	Số lượng kênh (kênh)	Bảng thông mỗi kênh đăng ký (Mbps)	Số lượng địa chỉ IP để kết nối thiết bị	Ứng dụng, nền tảng sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng	Thời gian triển khai	Thông tin đầu mối liên hệ của đơn vị sử dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Ví dụ: UBND xã A	số 54 đường X, xã A, tỉnh Z	Mạng nội bộ	Cấp độ 3 (QĐ phê duyệt số ngày tháng năm ban hành)	1	10	5	gửi, nhận và xử lý văn bản Mật, Tối mật Hội nghị truyền hình	01/07/202 5	Nguyễn Văn B, chuyên viên phòng Y, SĐT 09xxxxxxxx
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...

Trong đó:

- (3) Địa điểm kết nối: ghi đầy đủ địa chỉ tòa nhà, số nhà, phường/xã, tỉnh/thành phố.
- (6) Số lượng kênh: nếu lớn hơn 01 (một) cần thuyết minh lý do theo các trường hợp:
 - Căn cứ cơ quan, tổ chức thuộc mạng truy nhập cấp I;
 - Căn cứ theo cấp độ an ninh mạng của hệ thống thông tin (cấp độ 4 hoặc 5);
- (7) Bảng thông mỗi kênh đăng ký kèm theo giải trình cơ sở xác định bảng thông để bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm.
Bảng thông dịch vụ hội nghị truyền hình đề nghị tham khảo các tiêu chuẩn liên quan của ITU và tài liệu kỹ thuật của các hãng thiết bị, phần mềm cơ quan, đơn vị đang sử dụng.
- (11) Thông tin đầu mối liên hệ của đơn vị sử dụng: ghi đầy đủ Họ và tên, chức vụ, phòng, ban, số điện thoại liên hệ.

2. Thông tin đăng ký thay đổi

STT	Tên cơ quan, tổ chức sử dụng	Địa điểm kết nối	Thông tin cũ	Thông tin mới	Thuyết minh sự thay đổi	Thời gian thực hiện thay đổi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	<i>Ví dụ: Đảng uỷ xã A</i>	<i>Số 54 đường Trương Định, xã A, tỉnh X</i>	<i>Số 54 đường Trương Định, xã A, tỉnh Z</i>	<i>Số 135 đường Lý Chính Thắng, xã A, tỉnh Z</i>	<i>Thay đổi địa chỉ trụ sở làm việc</i>	<i>01/07/2026</i>
...		...				

Trong đó:

(4), (5) Thông tin thay đổi bao gồm: địa chỉ kết nối, số kênh, băng thông, cấp độ hệ thống thông tin kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng, địa chỉ IP, đầu mối liên hệ hoặc các thông tin liên quan khác.

(6) Thuyết minh sự thay đổi: thuyết minh rõ lý do thay đổi, cung cấp cơ sở pháp lý, thực tiễn đối với trường hợp tổng số lượng kết nối hoặc băng thông trên 01 (một) kênh tăng trên 20% so với đăng ký lần trước liền kề.

3. Thông tin đăng ký tạm dừng hoặc hủy kết nối

STT	Tên cơ quan, tổ chức sử dụng	Địa điểm kết nối	Số lượng kênh	Thời gian thực hiện tạm dừng hoặc hủy kênh kết nối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	<i>Ví dụ: UBND xã B (trụ sở 2)</i>	<i>số 56 đường Thành Thái, xã B, tỉnh Z</i>	<i>1</i>	<i>01/6/20xx</i>
...	...	...	...	...

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

4. Thông tin ứng dụng, nền tảng triển khai tại ban, bộ, ngành, địa phương

ST T	Tên ứng dụng, nền tảng	Đơn vị chủ quản ứng dụng, nền tảng	Điểm đặt máy chủ ứng dụng, nền tảng				Thời gian triển khai
			Trung tâm dữ liệu Quốc gia	Trung tâm dữ liệu tại Ban/Bộ/Ngành/Đị a phương	Trung tâm dữ liệu của doanh nghiệp	Địa chỉ Trung tâm dữ liệu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	<i>Vi dụ: Hội nghị truyền hình nội tỉnh</i>	<i>Sở KHCN</i>		x		<i>số 56 đường Thành Thái, xã B, tỉnh Z</i>	<i>01/01/2022</i>
2	<i>Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính</i>	<i>Bộ A</i>	x				<i>01/01/2027</i>
				x		<i>số 56 đường Thành Thái, xã B, tỉnh Z</i>	<i>01/01/2025</i>
...		...	...	...	...	...	...

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BẢNG THÔNG TIN ĐĂNG KÝ KẾT NỐI NĂM 2027*(Kèm theo văn bản số ngày .../.../..... của.....)***1. Thông tin đăng ký kết nối mới**

ST T	Tên cơ quan, tổ chức sử dụng	Địa điểm kết nối	Hệ thống kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng	Cấp độ an ninh mạng của hệ thống kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng	Số lượng kênh (kênh)	Băng thông mỗi kênh đăng ký (Mbps)	Số lượng địa chỉ IP để kết nối thiết bị	Ứng dụng, nền tảng sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng	Thời gian triển khai	Thông tin đầu mối liên hệ của đơn vị sử dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Ví dụ: UBND xã A	số 54 đường X, xã A, tỉnh Z	Mạng nội bộ	Cấp độ 3 (QĐ phê duyệt số ngày tháng năm ban hành)	1	10	5	Dịch vụ hành chính công	01/07/20 27	Nguyễn Văn B, chuyên viên phòng Y, SĐT 09xxxxxxxx
								Xử lý văn bản		
								Gửi, nhận và xử lý văn bản Mật, Tối mật		
								Hội nghị truyền hình		
										
2	Sở X	số 234 đường Y, xã B, tỉnh Z	Mạng nội bộ/ Hệ thống MCU/ Trung tâm dữ liệu của tỉnh	Cấp độ 3 (QĐ phê duyệt số ngày tháng năm ban hành)	2	50	20	MCU THHN nội tỉnh	...	...
								Xử lý văn bản		
								Dịch vụ hành chính công		
										
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...

Trong đó:

(3) Địa điểm kết nối: ghi đầy đủ địa chỉ tòa nhà, số nhà, phường/xã, tỉnh/thành phố.

(6) Số lượng kênh: nếu lớn hơn 01 (một) cần thuyết minh lý do theo các trường hợp:

- Căn cứ cơ quan, tổ chức thuộc mạng truy nhập cấp I;
- Căn cứ theo cấp độ an ninh mạng của hệ thống thông tin (cấp độ 4 hoặc 5);
- Căn cứ mức độ quan trọng, yêu cầu an ninh mạng, tính liên tục trong hoạt động của hệ thống thông tin,....

(7) Bảng thông mỗi kênh đăng ký kèm theo giải trình cơ sở xác định băng thông để bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm.

Bảng thông dịch vụ hội nghị truyền hình đề nghị tham khảo các tiêu chuẩn liên quan của ITU và tài liệu kỹ thuật của các hãng thiết bị, phần mềm cơ quan, đơn vị đang sử dụng.

(11) Thông tin đầu mối liên hệ của đơn vị sử dụng: ghi đầy đủ Họ và tên, chức vụ, phòng, ban, số điện thoại liên hệ.

2. Thông tin đăng ký thay đổi

STT	Tên cơ quan, tổ chức sử dụng	Địa điểm kết nối	Thông tin cũ	Thông tin mới	Thuyết minh sự thay đổi	Thời gian thực hiện thay đổi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	<i>Ví dụ:</i> UBND xã A	<i>Số 54 đường Trương Định, xã A, tỉnh X</i>	<i>Số 54 đường Trương Định, xã A, tỉnh Z</i>	<i>Số 135 đường Lý Chính Thắng, xã A, tỉnh Z</i>	<i>Thay đổi địa chỉ trụ sở làm việc</i>	<i>01/07/2027</i>
2	UBND phường B	<i>Số 111 đường Thành Thái, phường B, thành phố Y</i>	<i>01 kênh băng thông 10Mbps</i>	<i>01 kênh băng thông 15Mbps</i>	<i>Thay đổi băng thông, lý do: sử dụng thêm nền tảng quản lý đất đai của tỉnh</i>	<i>01/08/2027</i>
...		...				

Trong đó:

(4), (5) Thông tin thay đổi bao gồm: địa chỉ kết nối, số kênh, băng thông, cấp độ hệ thống thông tin kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng, địa chỉ IP, đầu mối liên hệ hoặc các thông tin liên quan khác.

(6) Thuyết minh sự thay đổi: thuyết minh rõ lý do thay đổi, cung cấp cơ sở pháp lý, thực tiễn đối với trường hợp tổng số lượng kết nối hoặc băng thông trên 01 (một) kênh tăng trên 20% so với đăng ký lần trước liền kề.

3. Thông tin đăng ký tạm dừng hoặc hủy kết nối

STT	Tên cơ quan, tổ chức sử dụng	Địa điểm kết nối	Số lượng kênh	Thời gian thực hiện tạm dừng hoặc hủy kênh kết nối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	<i>Ví dụ: UBND xã B (trụ sở 2)</i>	<i>số 56 đường Thành Thái, xã B, tỉnh Z</i>	1	01/6/20xx
...	...	...	...	...

4. Thông tin ứng dụng, nền tảng triển khai tại ban, bộ, ngành, địa phương

ST T	Tên ứng dụng, nền tảng	Đơn vị chủ quản ứng dụng, nền tảng	Điểm đặt máy chủ ứng dụng, nền tảng				Thời gian triển khai
			Trung tâm dữ liệu Quốc gia	Trung tâm dữ liệu tại Ban/Bộ/Ngành/Địa phương	Trung tâm dữ liệu của doanh nghiệp	Địa chỉ Trung tâm dữ liệu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	<i>Ví dụ: Hội nghị truyền hình nội tỉnh</i>	<i>Sở KHCN</i>		x		<i>số 56 đường Thành Thái, xã B, tỉnh Z</i>	<i>01/01/2022</i>
2	<i>Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính</i>	<i>Bộ A</i>	x				<i>01/01/2027</i>
				x		<i>số 56 đường Thành Thái, xã B, tỉnh Z</i>	<i>01/01/2025</i>
...		...	...	...	...	...	...

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BẢNG THÔNG TIN ĐĂNG KÝ KẾT NỐI GIAI ĐOẠN 2028 - 2030*(Kèm theo văn bản số ngày .../.../..... của.....)***1. Đánh giá tình hình kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng giai đoạn 2023⁵-2025***a) Đánh giá tình hình kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng (số lượng kết nối, băng thông, ...)**b) Đánh giá tình hình sử dụng các dịch vụ, ứng dụng, nền tảng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.**c) Đánh giá về chất lượng, mức độ sẵn sàng của Mạng truyền số liệu chuyên dùng.**d) Đánh giá về an toàn, bảo mật của Mạng truyền số liệu chuyên dùng.**e) Khó khăn, tồn tại và đề xuất, kiến nghị (nếu có).***2. Đăng ký kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng giai đoạn 2028-2030**

ST T	Tên cơ quan, tổ chức	Hiện trạng			Dự kiến băng thông giai đoạn 2028-2030						
		Địa điểm kết nối	Số lượng kênh	Băng thông (Mbps)	Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Thuyết minh nhu cầu
					Số lượng kênh	Băng thông (Mbps)	Số lượng kênh	Băng thông (Mbps)	Số lượng kênh	Băng thông (Mbps)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Ví dụ: UBND xã A	số 54 đường Trương Định, xã A, tỉnh Z	1	10	1	10	1	10	1	20	
2	Trung tâm dữ liệu của tỉnh A		2	50	2	50	2	50	2	100	
											
	TỔNG CỘNG										

Trong đó: Băng thông được tính trên mỗi kênh.⁵ Từ thời điểm Quyết định số 8/2023/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.

3. Ứng dụng, nền tảng giai đoạn 2028-2030

ST T	Tên ứng dụng, nền tảng	Đơn vị chủ quản ứng dụng, nền tảng	Điểm đặt máy chủ ứng dụng, nền tảng				Thời gian triển khai
			Trung tâm dữ liệu Quốc gia	Trung tâm dữ liệu tại Ban/Bộ/Ngành/ Địa phương	Trung tâm dữ liệu của doanh nghiệp	Địa chỉ Trung tâm dữ liệu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	<i>Ví dụ: Hội nghị truyền hình nội tỉnh</i>	<i>Sở KHCN</i>		x		<i>số 56 đường Thành Thái, xã B, tỉnh Z</i>	<i>01/01/2022</i>
2	<i>Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính</i>	<i>Bộ A</i>	x				<i>01/01/2027</i>
				x		<i>số 56 đường Thành Thái, xã B, tỉnh Z</i>	<i>01/01/2025</i>
...	...	...	...	...	...	...	...

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)